

Bản án số: 73/2022/DS-ST
Ngày 14-9-2022
V/v: “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Chương
2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai;
Địa chỉ: Khu Phước Hải, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B – Chi cục Trưởng, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tấn D, sinh năm 1982 – chức vụ: Chấp hành viên sơ cấp - Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 02-06-2022), có mặt;

2. Bị đơn: Ngân hàng TMCP C;
Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 đường T, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh S – Chức vụ: Phó trưởng Phòng tổng hợp - Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu (văn bản ủy quyền thường xuyên ngày 15-03-2021), có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Số 10 đường T, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 9, Khu Phước Hải, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-12-2020 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Để tổ chức thi hành án theo Quyết định số 24/QĐ.TT ngày 14/9/1995 của Trọng tài kinh tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Quyết định số 15/QĐ.TA ngày 14/9/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai đã kê biên và xử lý tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 9.799m² tại xã Tam Phước, huyện L, tỉnh Đồng Nai của Công ty Đầu tư xây dựng thương mại B đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP C (dư nợ đến năm 1994 là 71.457.000.000đ). Tài sản kê biên được bán đấu giá thành với số tiền là 5.500.000.000 đồng và người trúng đấu giá lô đất là ông Lê Văn T; Chấp hành viên đã phân phối số tiền cụ thể như sau:

- Chi trả cho Công ty B (Công ty Cổ phần B) theo Quyết định số 50/QĐ.THA ngày 01/10/2007 số tiền 405.529.000đ (bốn trăm lẻ năm triệu, năm trăm hai mươi chín ngàn đồng).

- Chi trả theo Quyết định số 51/QĐ.THA ngày 01/10/2007 số tiền 50.206.000 đồng.

- Chi trả theo Quyết định số 106/QĐ-CCTHA ngày 31/01/2011 lãi suất chậm thi hành án là: 686.560.000 đồng.

- Chi hỗ trợ 02 hộ dân: 40.000.000 đồng.

- Chi trả đóng thuế là: 187.412.000 đồng.

- Chi phí cưỡng chế, đấu giá, bản vẽ: 30.293.000 đồng.

Tổng số tiền đã chi là 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình phân phối Chấp hành viên tổ chức thi hành đã không giữ lại tiền thuế thu nhập mà chuyển trả toàn bộ số tiền còn lại 4.100.000.000đ cho Ngân hàng TMCP C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có tài sản bảo lãnh thế chấp).

Ngày 04/11/2011 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L nhận được Thông báo nộp thuế số 01/TB-CTT, xác định số tiền thuế phải nộp là 651.514.500đ.

Do không giữ lại số tiền thuế thu nhập của người phải thi hành án là Công ty Đầu tư xây dựng thương mại B phải nộp nên ngày 27/01/2011, phụ trách Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là ông Võ Nhật T gửi Công văn số 142/THA đề nghị ông Lê Văn T tạm ứng số tiền 651.514.500đ để nộp thuế (sẽ hoàn trả cho ông T khi Ngân hàng TMCP C hoàn trả lại). Vì muốn hoàn thiện sớm thủ tục pháp lý nên ông T đồng ý nộp.

Trong quá trình giải quyết hồ sơ thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L mới trả lại cho ông Lê Văn T số tiền 180.000.000 đồng nên ông Lê Văn T đã khởi kiện yêu cầu trả số tiền 471.514.500đ.

Sự việc kéo dài nhiều năm, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L nhiều lần làm việc, trao đổi trực tiếp đề nghị phía Ngân hàng hoàn trả lại số tiền đã chi do bị nhầm lẫn, tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý đồng thời có đơn khiếu nại cho rằng Ngân hàng thi hành phần lãi chậm thi hành án của Công ty C là trái với quy định của pháp luật. Ngày 19/10/2011 Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-THA không chấp nhận nội dung khiếu nại. Ngày 31/10/2011 Ngân hàng có đơn khiếu nại tiếp theo, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 02/QĐ-THA và số 03/QĐ-THA với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã nhiều lần đề xuất xin ý kiến chỉ đạo để có hướng xử lý tiếp theo. Ngày 19/7/2017 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai có Công văn số 889/CV-CTHA.KNTC gửi Tổng cục Thi hành án dân sự. Ngày 05/01/2018 Tổng cục Thi hành án dân sự có Văn bản số 73/TCTHADS-NV3 về việc đảm bảo tài chính vụ việc của ông Lê Văn T, trong đó có nội dung: Yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện L trực tiếp làm việc với Ngân hàng hoàn trả số tiền đã chi sai, trường hợp Ngân hàng vẫn không phối hợp và hoàn trả thì thực hiện khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để bảo vệ quyền lợi của mình.

Từ cơ sở trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai yêu cầu Tòa án tuyên: Buộc Ngân hàng TMCP C phải trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai số tiền 464.102.500 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng).

Theo Văn bản số 834/CV-BRVT-TH ngày 10/06/2022 và quá trình tố tụng Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn - Ngân hàng TMCP C trình bày:

Công ty Phát triển kinh tế C (gọi tắt là Công ty C) có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP C (gọi tắt Ngân hàng) từ năm 1991, dư nợ đến năm 1994 là 71.457.000.000đ. Do kinh doanh thua lỗ không có khả năng thanh toán nên Công ty đã giao một số tài sản cho Ngân hàng để xử lý, thu hồi nợ vay như: Khu đất Tây Ninh, lô máy phát điện, nhà máy nước đá, Khu du lịch Á Châu...

Ngày 29/8/2005 UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có cuộc họp để giải quyết công nợ của Công ty C với Ngân hàng. Theo đó thống nhất để Công ty C dùng khu đất tại huyện L, tỉnh Đồng Nai trả nợ cho Ngân hàng (theo Thông báo số 276/TB-UBND ngày 24/11/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

Ngày 11/01/2006 Công ty C đã tiến hành bàn giao khu đất ở huyện L, tỉnh Đồng Nai cho Ngân hàng. Diện tích đất bàn giao là 14.873m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C-633400 do UBND huyện L cấp ngày 30/12/1995. Tuy nhiên do Công ty C phải thi hành Quyết định số 24/QĐ.TT ngày 14/9/1995 của Trọng tài kinh tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Quyết định số 15/QĐ.TA ngày 14/9/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với tổng số tiền là 746.000.000 đồng nên khu đất này đã bị Phòng Thi hành án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (nay là Cục Thi hành án) kê biên để thi hành án (Quyết định kê biên số 45/THA ngày 07/9/1996 nhưng Thi hành án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vẫn không xử lý được vì số tiền mà Công ty C phải thi hành án chỉ có 746.000.000 đồng,

trong khi đó Chấp hành viên Thi hành án lại kê biên tài sản có giá trị lớn gấp nhiều lần nghĩa vụ thi hành án Công ty C phải thi hành). Vì vậy, sau khi nhận bàn giao khu đất trên, Ngân hàng đã làm việc với cơ quan Thi hành án và thống nhất cùng xử lý tài sản để thu nợ cho Ngân hàng và Thi hành án.

Trong suốt quá trình xử lý tài sản của Công ty C, Ngân hàng và Cơ quan Thi hành án đều thống nhất rằng tài sản này được bán để thu hồi nợ cho Ngân hàng và thi hành án đối với Quyết định số 24/QĐ.TT ngày 14/9/1995 và Quyết định số 15/QĐ.TA ngày 14/9/1995 với số tiền là 746.000.000 đồng (trong quá trình thi hành án Công ty C đã thi hành số tiền 291.199.000 đồng, do vậy số tiền còn phải thi hành là 455.735.000 đồng). Nội dung này được thể hiện trong các Biên bản giải quyết thi hành án ngày 06/12/2005, ngày 21/6/2006 và ngày 06/11/2006. Như vậy, sau khi bán tài sản của Công ty C thì cơ quan Thi hành án trừ đi số tiền 455.735.000đ + chi phí thi hành án + thuế (nếu có), số còn lại được chi trả cho Ngân hàng.

Sau khi bán tài sản của Công ty C được 5.500.000.000đ (Biên bản đấu giá tài sản ngày 17/9/2009) Ngân hàng mới nhận được 4.098.900.000 đồng (theo lệnh chuyển tiền ngày 26/10/2009) nên Ngân hàng đã đề nghị được nhận lại số tiền còn lại nhưng không được giải quyết. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty C còn nợ Ngân hàng số tiền 23.274.871.242 đồng (nợ gốc chưa bao gồm nợ lãi), Công ty C đã tuyên bố giải thể từ năm 1996 hiện nay không còn tồn tại. Toàn bộ số vốn trên hàng năm Ngân hàng vẫn phải hạch toán và báo cáo tài chính. Đây là nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước và huy động từ dân cư cho nên Ngân hàng vẫn phải trả lãi suất.

Nhận thấy việc giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Ngày 23/9/2011 Ngân hàng có đơn khiếu nại gửi Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (tiếp sau đó là các đơn ngày 03/10/2011 và ngày 17/10/2011), ngày 31/10/2011 Chi nhánh gửi đơn kiến nghị đến Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, ngày 24/11/2011 gửi đơn khiếu nại đến Cục Thi hành dân sự tỉnh Đồng Nai, ngày 02/02/2012 Chi nhánh gửi đơn khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự với nội dung: Khiếu nại việc tổ chức thi hành án theo Quyết định ủy thác số 77/Qđ-CTHA ngày 27/01/2011 của Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai không đảm bảo theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện L chi trả số tiền còn lại cho Ngân hàng sau khi bán đấu giá tài sản của Công ty C (sau khi trừ các chi phí thi hành án+thuế và trả cho Công ty CP B số tiền 455.735.000đ). Tuy nhiên đến nay đơn khiếu nại của Ngân hàng vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ngoài ra Ngân hàng được biết Chi cục Thi hành án dân sự huyện L còn tạm thu hơn 800 triệu đồng từ tiền bán đấu giá tài sản sau khi đã thanh toán cho Công ty CP B số tiền 455.735.000đ. Tính từ ngày 26/10/2009 dư nợ của Công ty C số nợ là 23.274.871.242 đồng (nợ gốc chưa bao gồm nợ lãi).

Ngân hàng TMCP C đề nghị: Trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Ngân hàng, Cơ quan Thi hành án huyện L trích số tiền

từ bán tài sản đấu giá đang còn tạm thu để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của bên bán tài sản, tạo điều kiện cho bên mua được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của bên mua tài sản đấu giá thành.

Từ lý do trên, Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án tuyên bác đơn khởi kiện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Năm 2009, ông Lê Văn T có mua trúng đấu giá khu đất có diện tích 9.779m² thuộc thửa số 38b (tách từ thửa 38), tờ bản đồ số 58 tọa lạc tại ấp Long Khánh 1, xã Tam Phước, huyện L Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Đầu tư xây dựng thương mại B đã bàn giao cho Ngân hàng TMCP C với số tiền là 5.500.000.000 đồng.

Quá trình xử lý số tiền thu được từ việc bán đấu giá Chi cục Thi hành án dân sự huyện L không giữ lại số tiền thuế thu nhập. Vì vậy ngày 27/01/2011 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L có Công văn số 142/THA đề nghị ông Lê Văn T nộp tạm ứng số tiền 651.514.500đ và sẽ hoàn trả lại ông T. Tuy nhiên nhiều lần yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện L trả lại số tiền tạm ứng nhưng mới trả được 180.000.000đ còn nợ lại 471.514.500 đồng dẫn đến ông T khởi kiện. Qua 2 cấp xét xử của Tòa án đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, mặc dù ông T có đơn yêu cầu thi hành án nhưng Chi cục Thi hành án dân sự huyện L vẫn chưa trả lại số tiền 471.514.500 đồng cho ông T. Trong vụ án này ông T không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc thụ lý vụ án; Xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ và các thủ tục khác. Tuy nhiên về thụ lý vụ án: Tòa án nhận đơn từ năm 2020 nhưng đến ngày 06-5-2022 mới thụ lý là vi phạm thời hạn quy định tại Điều 191 BLTTDS. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền 464.102.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai khởi kiện buộc bị đơn trả lại số tiền 464.102.500 đồng nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Đòi lại tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn

có trụ sở chi nhánh tại thành phố Vũng Tàu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty phát triển kinh tế C (gọi tắt là Công ty C) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP C từ năm 1991 dư nợ đến năm 1994 là 71.457.000.000đ. Do kinh doanh thua lỗ không có khả năng thanh toán nên Công ty C đã giao một số tài sản cho Ngân hàng để xử lý, thu hồi nợ vay trong đó có quyền sử dụng đất diện tích 9.799m² tại xã Tam Phước, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Ngày 29-8-2005 UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tổ chức họp để giải quyết công nợ của Công ty C với Ngân hàng, tại Thông báo Kết luận số 276/TB-UBND ngày 24/11/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chỉ đạo Công ty C bàn giao khu đất diện tích 9.799m² tại xã Tam Phước, huyện L, tỉnh Đồng Nai để trả nợ Ngân hàng.

Ngày 07-8-2007, Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (nay là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) ra Quyết định số 335/QĐ-THA và số 536/QĐ-UT.THA ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi nhận được hồ sơ ủy thác Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã thụ lý và ra quyết định thi hành án số 50/QĐ-THA ngày 01/10/2007 cho thi hành số tiền 405.529.000 đồng; số 51/QĐ-THA ngày 01/10/2007 cho thi hành số tiền 50.206.000 đồng. Vào ngày 17/9/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã kê biên và bán đấu giá tài sản quyền sử dụng đất có diện tích 9.799m² tại xã Tam Phước, huyện L, tỉnh Đồng Nai với số tiền 5.500.000.000 đ (năm tỷ năm trăm triệu đồng), người trúng đấu giá lô đất là ông Lê Văn T. Ngày 20/10/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã lập bảng thanh toán tiền bán đấu giá tài sản theo thứ tự thanh toán với tổng số tiền đã chi là 1.400.000.000 đồng là đúng quy định phù hợp với Điều 47 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Số tiền còn lại 4.100.000.000đ đã chuyển cho Ngân hàng, quá trình làm việc và tại phiên tòa đại diện bị đơn thừa nhận đã nhận của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L số tiền 4.098.900.000 đồng.

Tại bảng thanh toán tiền bán tài sản ngày 20/10/2009, chấp hành viên dự trừ thuế thu nhập cá nhân 2% là 110.000.000 đồng, nhưng ngày 04/01/2011 Chi cục thuế huyện L đã ra thông báo nộp thuế số 01/TB-CTT thông báo về việc Công ty C phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất bằng hình thức bán đấu giá, người nộp thay là Chi cục thi hành án dân sự huyện L với tổng số tiền là 651.514.500đ. Chi cục thi hành án dân sự huyện L cho rằng khi dự trừ mức thuế 2% là căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.799m² tại xã Tam Phước, huyện L, tỉnh Đồng Nai đứng tên cá nhân bà Trần Thị Tnên chỉ chịu thuế thu nhập cá nhân. Sau khi phát hiện chi sai đã đề nghị Ngân hàng chuyển trả lại nhưng Ngân hàng không hợp tác.

Ngày 27/01/2011 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L có Công văn số 142/THA đề nghị ông Lê Văn T tạm ứng số tiền thuế 651.514.500 đ để nộp thuế làm thủ tục hồ sơ đấu giá, sau này thu hồi sẽ trả lại cho ông Lê Văn T, ngày 28/01/2009 ông T đã ứng ra số tiền 651.514.500đ. Do Chi cục thi hành án dân

sự huyện L mới trả cho ông Lê Văn T 180.000.000 đồng nên ông T đã khởi kiện. Tại bản án số 16/2013/DSST ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện L phải trả lại cho ông T số tiền là 471.514.500 đồng. Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã kháng cáo, tại bản án số 166/2013/DS-PT ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Theo biên bản lời khai và tại phiên tòa, ông Lê Văn T xác nhận toàn bộ diễn biến sự việc là đúng như lời trình bày của đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông T cho rằng việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện L dự tính tiền thuế chưa chính xác không phải là cố ý. Mặc dù bản án đã có hiệu lực từ lâu mà ông T vẫn chưa nhận lại tiền nên mong muốn Ngân hàng chuyển trả lại để Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thực hiện việc chi trả cho ông theo Quyết định của bản án.

[2.2] Theo khoản 3 Điều 98 Luật đất đai quy định: *Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.* Theo khoản 1 Điều 63 của Nghị 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định: *Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và lệ phí trước bạ (sau đây gọi là nghĩa vụ tài chính) do cơ quan thuế xác định. Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin địa chính cho cơ quan thuế đối với các trường hợp đủ điều kiện và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.* Theo khoản 1 Điều 2 của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: *Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.* Đối chiếu với quy định nêu trên việc Chi cục thuế huyện L ban hành Thông báo nộp thuế số 01/TB-CTT ngày 04/01/2011, Công ty C phải chịu thuế 651.514.000 đồng, người nộp thay là Chi cục thi hành án dân sự huyện L là đúng pháp luật.

Xét thấy, Chi cục thi hành án dân sự huyện L khi dự trừ mức thuế 2% là căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/12/1995 cấp cho cá nhân bà Trần Thị Thanh. Tuy nhiên số tiền chuyển nhượng đất bằng hình thức bán đấu giá là 5.500.000.000 đồng, do dự trừ số tiền thuế là 2% nên chỉ để lại 110.000.00 đồng nhưng nghĩa vụ nộp thuế là 651.514.500 đồng nên số tiền nộp thuế đã bị thiếu so với dự kiến và số tiền phải nộp thuế đã được chuyển cho Ngân hàng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện bị đơn cho rằng việc xác định thuế là do lỗi của nguyên đơn nên tự chịu trách nhiệm còn Ngân hàng không đồng ý chuyển lại vì số tiền khi nhận được đã hạch toán không còn, mặt khác Công ty C hiện nay đã giải thể mà số nợ còn lại không thể thu hồi, đồng thời hiện nay nguyên đơn còn giữ số tiền 800.000.000 đồng từ việc bán đấu giá đất.

Xét lời trình bày của Ngân hàng không cơ sở, vì theo Bản án số 16/2013/DS-ST ngày 18/04/2013 của Tòa án nhân dân huyện L và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện L thực tế có giữ lại số tiền 1.400.000.000 đồng nhưng đã chi hết gồm các khoản:

Tiền cưỡng chế 30.293.000 đồng; chi trả theo Quyết định số 24/QĐ.TT ngày 16/6/1993 của T tài kinh tế tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu số tiền 405.526.000 đồng; chi trả theo Quyết định số 15/QĐ.TA ngày 14/9/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu số tiền 50.206.000 đồng; chi tiền lãi chậm thi hành án số tiền 686.560.000 đồng; tiền thuế chuyển nhượng 110.000.000 đồng; tiền hỗ trợ di dời cho 02 hộ dân 40.000.000 đồng, số tiền còn lại là 187.412.000 đồng, số tiền này hiện nay đã tạm ứng trả cho ông Lê Văn T.

Tại Điều 2, Điều 3 của Luật Quản lý thuế năm 2006, năm 2019 “*Thuế là một khoản nộp ngân sách Nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế*”, theo quy định này thì nghĩa vụ nộp thuế khi chuyển nhượng tài sản của Công ty C là bắt buộc và cần được ưu tiên thanh toán trước. Vì vậy việc chấp hành viên dự trừ số tiền thuế bị thiếu là có sự nhầm lẫn do xác định sai đối tượng nộp thuế cho rằng diện tích 9.799m² cấp cho cá nhân bà Trần Thị T nên chịu mức thuế thu nhập cá nhân, tuy nhiên bà T đã đưa vào làm tài sản của Công ty C để thế chấp vay vốn nên thuộc tài sản của Công ty C và phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Lẽ ra khi Ngân hàng nhận được văn bản của Chi cục thi hành án dân sự huyện L về việc nhầm lẫn trên thì phải chuyển trả lại để Chi cục thi hành án dân sự huyện L nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng Ngân hàng từ chối dẫn đến việc người trúng đấu giá là ông Lê Văn T phải ứng nộp và cho đến nay chưa nhận lại đủ tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T.

Tại phiên tòa, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L cho rằng: Theo đơn khởi kiện yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền 471.514.500 đồng, nhưng do nhầm lẫn nên phần đầu của đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng trả số tiền 464.102.500 đồng, còn phần cuối trình bày các lý do khởi kiện thì yêu cầu Ngân hàng trả số tiền 471.514.500 đồng. Do vụ án đã được đưa ra xét xử và tại phiên tòa mới phát hiện sự nhầm lẫn số liệu, vì vậy Chi cục Thi hành án dân sự huyện L xác định số tiền yêu cầu Ngân hàng trả lại là 464.102.500 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Chi cục thi hành án dân sự huyện L khởi kiện yêu cầu Ngân hàng TMCP C phải trả lại số tiền 464.102.500đ là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T không có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí điều tra xác minh là 5.000.000.đ, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

[5] Về án phí: Ngân hàng TMCP C phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch dựa trên số tiền 464.102.500 đồng là 22.564.100 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.200.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 229 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai về việc tranh chấp về đòi lại tài sản đối với Ngân hàng TMCP C:

Buộc Ngân hàng TMCP C phải trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai số tiền 464.102.500đ (bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí điều tra xác minh là 5.000.000đ (năm triệu đồng) số tiền này Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ngân hàng TMCP C phải nộp số tiền 22.564.100đ (hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm đồng).

+ Hoàn trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai số tiền 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002341 ngày 05-05-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14/9/2022. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5.Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

